

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Khang Minh Group trình bày Báo cáo này cùng Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khang Minh Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0700510750, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700510750 thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 11 năm 2021 là: 238.139.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ, một trăm ba mươi chín triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã GKM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch: SH19, Lô B4, KĐT mới Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Đặng Việt Lê	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông	Trần Hưng Dũng	Thành viên
Ông	Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông	Phạm Nghiêm Việt Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/3/2022)
Ông	Hoàng Văn Hải	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 19/3/2022)
Ông	Nguyễn Văn Tiêm	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/3/2022)
Ông	Trần Hải Long	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 19/3/2022)

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà	Cao Thị Thương	Thành viên
Bà	Nguyễn Minh Đức	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Bùi Thế Nam	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 13/10/2022)
Ông	Nguyễn Việt Hà	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 13/10/2022)
Ông	Hoàng Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Văn Tiêm	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất và thiết bị

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, ngoài các sự kiện đã trình bày tại Thuyết minh 7.1, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Đặng Việt Lê
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Số: 81/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khang Minh Group

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khang Minh Group được lập ngày 22/3/2023 từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



A blue handwritten signature of Trần Minh Nghiệp.

Phan Huy Thắng**Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0147-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2023*

Trần Minh Nghiệp**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 4937-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		163.592.899.756	167.193.661.489
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	50.081.966.316	14.955.832.388
1. Tiền	111		50.081.966.316	14.955.832.388
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu	130		103.512.407.084	143.176.084.401
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	96.319.730.796	87.184.229.322
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.999.141.817	18.711.421.699
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	-	19.184.100.864
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	193.534.471	18.096.332.516
III. Hàng tồn kho	140	5.6	842.526.000	842.526.000
1. Hàng tồn kho	141		842.526.000	842.526.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.156.000.356	8.219.218.700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	97.653.889	23.563.640
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.074.185.215	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	7.984.161.252	8.195.655.060
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		248.455.305.125	285.679.633.450
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000.000	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	45.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		33.033.676.818	18.712.031.439
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	33.033.676.818	18.712.031.439
<i>Nguyên giá</i>	222		55.579.578.853	50.571.105.245
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.545.902.035)	(31.859.073.806)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		579.863.861	579.863.861
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	579.863.861	579.863.861
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	156.844.183.172	254.844.183.172
1. Đầu tư vào công ty con	251		153.844.183.172	153.844.183.172
2. Đầu tư dài hạn khác	253		3.000.000.000	101.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.997.581.274	11.543.554.978
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	12.997.581.274	11.543.554.978
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		412.048.204.881	452.873.294.939

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		118.607.366.549	183.667.251.126
I. Nợ ngắn hạn	310		69.607.366.549	83.667.251.126
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	31.894.390.577	29.884.589.878
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	482.370.862
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	11.203.674.568	9.166.606.080
4. Phải trả người lao động	314		156.249.400	287.540.124
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.979.205.072	1.419.484.069
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	1.473.846.932	1.437.160.113
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	22.900.000.000	40.989.500.000
II. Nợ dài hạn	330		49.000.000.000	100.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	49.000.000.000	100.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		293.440.838.332	269.206.043.813
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	293.440.838.332	269.206.043.813
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		238.139.000.000	238.139.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.556.059.091	8.556.059.091
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		46.745.779.241	22.510.984.722
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.510.984.722	596.735.866
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.234.794.519	21.914.248.856
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		412.048.204.881	452.873.294.939

Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Người lập

Phạm Thị Yến

Kế toán trưởng

Lê Văn Tùng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Việt Lê

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	67.175.582.950	137.414.491.343
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	335.244.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	67.175.582.950	137.079.247.343
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	46.366.160.008	113.363.199.428
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20.809.422.942	23.716.047.915
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	25.853.326.932	10.551.512.301
7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	22	6.4	15.205.004.087 13.076.682.318	6.679.597.719 5.841.424.277
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.663.678.055	1.840.504.973
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	1.571.392.008	1.291.188.428
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+(21-22)-(25+26)}	30		28.222.675.724	24.456.269.096
11. Thu nhập khác	31	6.7	12.648.726	1.616.400.039
12. Chi phí khác	32	6.8	1.250.812.432	508.246.600
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.238.163.706)	1.108.153.439
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40)	50		26.984.512.018	25.564.422.535
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.10	2.749.717.499	3.650.173.679
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		24.234.794.519	21.914.248.856

Người lập

Phạm Thị Yên

Kế toán trưởng

Lê Văn Tùng

Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Việt Lê

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		26.984.512.018	25.564.422.535
2 Điều chỉnh cho các khoản			(9.049.868.359)	(2.003.302.730)
- Khấu hao TSCĐ	02		2.995.074.038	6.097.656.966
- Các khoản dự phòng	03		-	(1.979.974.383)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.121.624.715)	(11.962.409.590)
- Chi phí lãi vay	06		13.076.682.318	5.841.424.277
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		17.934.643.659	23.561.119.805
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(2.123.881.363)	43.807.299.144
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		-	3.127.395.018
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(12.574.070.573)	(17.275.850.312)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.528.116.545)	(7.065.919.286)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.008.687.341)	(4.421.940.208)
- Thuế thu nhập đã nộp	15		-	(524.584.391)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	205.502.750
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(658.246.600)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.300.112.163)	40.754.775.920
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(7.246.316.114)	(23.670.635.231)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		7.245.136.364	1.215.000.000
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(53.320.000.000)	(19.184.100.864)
3 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.504.100.864	-
4 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.000.000.000)	(168.450.000.000)
5 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		127.000.000.000	11.000.000.000
6 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.332.824.977	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30		114.515.746.091	(199.089.736.095)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	74.418.540.000
2 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		51.075.000.000	182.362.771.387
3 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(120.164.500.000)	(92.396.420.454)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40		(69.089.500.000)	164.384.890.933
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50		35.126.133.928	6.049.930.758
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.955.832.388	8.905.901.630
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	50.081.966.316	14.955.832.388

Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Người lập

Phạm Thị Yến

Kế toán trưởng

Lê Văn Tùng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Việt Lê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Khang Minh Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0700510750, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700510750 thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 11 năm 2021 là: 238.139.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ, một trăm ba mươi chín triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HNX với mã GKM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch: SH19, Lô B4, KĐT mới Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 04 người (tại ngày 01/01/2022 là 05 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là sản xuất gạch không nung các loại; gạch ốp lát cao cấp

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các Công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	Thị trấn Kiện Khê, Thanh Liêm, Hà Nam	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	99,64%	99,64%	99,64%
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	KCN Châu Sơn, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	51,00%	51,00%	51,00%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

	Thời gian khấu hao
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	06 - 18
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp mặt bằng và chi phí khác.

Chi phí trả trước liên quan đến kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí trả trước dài hạn cho nhiều kỳ kế toán được tính và phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí. Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ theo thời gian thuê đất; chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm gạch không nung và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	61.816.352	83.583.275
Tiền gửi ngân hàng	50.020.149.964	14.872.249.113
Tổng	50.081.966.316	14.955.832.388

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty CP Đầu tư phát triển và Xây dựng Phạm Gia	4.114.460.000	1.962.620.000
Công ty TNHH Thương mại Thành Lâm	12.743.390.702	9.516.998.702
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Đức Nam	-	11.666.768.080
Công ty CP Cơ khí Xây dựng và Thương mại Hùng Trang	4.831.986.000	3.819.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư bê tông Anh Đức	6.622.018.960	3.746.192.800
Công ty TNHH MTV Tuấn Dũng Tây Bắc	4.984.717.600	4.984.717.600
Công ty TNHH Vật tư Và Xây dựng Hoàng Thành	-	9.192.945.945
Công ty CP Đoàn Minh Công	-	4.016.700.000
Công ty Cổ phần VLXD Bảo Minh Khang	17.921.682.546	10.972.619.604
Công ty TNHH TM và VLXD Phát Đạt	10.195.782.886	-
Công ty Cổ phần Đá ốp lát Hưng Thịnh	14.998.065.540	5.651.898.140
Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Sinh Hùng 68	2.000.132.000	3.037.132.000
Đối tượng khác	17.907.494.562	18.616.636.451
Tổng	96.319.730.796	87.184.229.322

Trong đó:

*Phải thu của khách hàng là các bên liên quan
 (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)*

895.177.478 1.164.130.000

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Thuê văn phòng SH19 - Đặng Ngọc Hường	2.733.582.210	1.584.332.210
Công ty CP TM và XNK Hồng Việt	4.145.559.607	7.440.297.428
Công ty CP Cơ khí và Vật liệu Xây dựng Phú Nguyễn	-	9.573.978.597
Thu đối tượng khác	120.000.000	112.813.464
Tổng	6.999.141.817	18.711.421.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.4 Phải thu về cho vay

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	-	-	19.184.100.864	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	-	-	10.184.100.864	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	-	-	9.000.000.000	-
b) Dài hạn	45.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Đại An {1}	45.000.000.000	-	-	-
Tổng	45.000.000.000	-	19.184.100.864	-

Trong đó

Phải thu về cho vay là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

{1} Khoản vay theo HĐ 2812/2022/HĐCV ngày 28/12/2022; thời hạn vay: 18 tháng; lãi suất: 18%/năm.

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Bà Nguyễn Thu Trang	-	-	1.423.300.000	-
Ông Lê Ngọc Hà	-	-	14.500.000.000	-
Bà Trần Thị Miên	48.318.182	-	48.318.182	-
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	56.449.166	-	49.223.154	-
Phải thu lợi nhuận của Công ty con	-	-	2.075.491.180	-
Đối tượng khác	88.767.123	-	-	-
Tổng	193.534.471	-	18.096.332.516	-

Trong đó

Phải thu khác là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

56.449.166

3.596.332.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	842.526.000	-	842.526.000	-
Tổng	842.526.000	-	842.526.000	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Ngắn hạn	97.653.889	23.563.640
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	7.653.889	1.063.640
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	90.000.000	22.500.000
b. Dài hạn	12.997.581.274	11.543.554.978
Chi phí sửa chữa văn phòng Hà Nội SH19	788.984.097	1.003.868.232
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	317.646.029	447.179.882
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng	9.546.080.346	9.798.257.754
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.344.870.802	294.249.110
Tổng	13.095.235.163	11.567.118.618

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công trình trạm nghiền đá	16.678.300	16.678.300
Xây dựng cơ bản dở dang	563.185.561	563.185.561
- Nhà kho, nhà xưởng	563.185.561	563.185.561
Tổng	579.863.861	579.863.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.9 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại ngày 01/01/2022	29.018.884.272	16.613.690.538	3.599.122.722	663.735.850	675.671.863	50.571.105.245	
Tăng trong năm	20.032.289.634	-	-	-	-	20.032.289.634	
- XDCB hình thành trong năm	20.032.289.634	-	-	-	-	20.032.289.634	
Giảm trong năm	(1.035.733.468)	(13.953.082.558)	-	-	(35.000.000)	(15.023.816.026)	
- Thanh lý, nhượng bán	(1.035.733.468)	(13.953.082.558)	-	-	(35.000.000)	(15.023.816.026)	
Số dư tại ngày 31/12/2022	48.015.440.438	2.660.607.980	3.599.122.722	663.735.850	640.671.863	55.579.578.853	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại ngày 01/01/2022	14.773.949.050	13.983.807.373	2.309.472.235	213.125.831	578.719.317	31.859.073.806	
Tăng trong năm	1.967.531.386	460.940.424	434.302.370	96.388.224	35.911.634	2.995.074.038	
- Khấu hao trong năm	1.967.531.386	460.940.424	434.302.370	96.388.224	35.911.634	2.995.074.038	
Giảm trong năm	(489.105.992)	(11.784.139.817)	-	-	(35.000.000)	(12.308.245.809)	
- Thanh lý, nhượng bán	(489.105.992)	(11.784.139.817)	-	-	(35.000.000)	(12.308.245.809)	
Số dư tại ngày 31/12/2022	16.252.374.444	2.660.607.980	2.743.774.605	309.514.055	579.630.951	22.545.902.035	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2022	14.244.935.222	2.629.883.165	1.289.650.487	450.610.019	96.952.546	18.712.031.439	
Tại ngày 31/12/2022	31.763.065.994	-	855.348.117	354.221.795	61.040.912	33.033.676.818	

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 751.848.122 VND (tại ngày 01/01/2022 là 5.964.931.941 VND).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 15.677.499.798 VND (tại ngày 01/01/2022 là 19.277.482.772 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh {1}	130.894.183.172	-	-	130.894.183.172	-	-
Công ty CP Nhóm Khang Minh {2}	22.950.000.000	-	-	22.950.000.000	-	-
Tổng	153.844.183.172	-	-	153.844.183.172	-	-

(1) Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh (tiền thân là Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh) là Công ty Cổ phần do Công ty Cổ phần Khang Minh Group nắm giữ 99,64% vốn điều lệ.

(2) Công ty Cổ phần Nhóm Khang Minh là Công ty Cổ phần do Công ty Cổ phần Khang Minh Group nắm giữ 51% vốn điều lệ.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty nhận đầu tư do các Công ty này không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

b. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc
Công ty CP Đầu tư HG {1}	2.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Công nghệ Internet Chiếc Ô Xanh {2}	1.000.000.000	-	-	-
Công ty CP APG Energy Nghệ An {3}	-	-	-	67.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Cụm công nghiệp APG {3}	-	-	-	12.500.000.000
Công ty CP APG ECO Hòa Bình {3}	-	-	-	21.500.000.000
Tổng	3.000.000.000	-	-	101.000.000.000

{1} Công ty CP Khang Minh Group góp vốn vào Công ty CP Đầu tư HG theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 ngày 19/3/2022.

{2} Công ty CP Khang Minh Group quyết định góp vốn vào Công ty CP Công nghệ Internet theo Nghị quyết số 33/2022/KM/NQ-HDQT ngày 08/12/2022 của Hội đồng Quản trị.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty nhận đầu tư do các Công ty này không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính và các đo các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

{3} Các khoản đầu tư này được chuyển nhượng theo các Nghị quyết số 09.02/NQ-HDQT/KMG tháng 8/2022, Nghị quyết số 06/2022/KM/NQ-HDQT tháng 5/2022 và Nghị quyết số 10/2022/KM/NQ-HDQT ngày 03/10/2022 của Hội đồng quản trị Công ty CP Khang Minh Group.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Cơ khí và Vật liệu xây dựng Phú Nguyễn	4.234.872.805	4.234.872.805	-	-
Công ty Cổ phần Đoàn Minh Công	680.000.000	680.000.000	1.280.000.000	1.280.000.000
Công ty CP Chứng khoán APG	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Công ty CP Dầu tư TM và DV Thăng Long	542.760.000	542.760.000	2.042.760.000	2.042.760.000
Công ty TNHH Khai thác đá Xuân Tùng	9.391.367.270	9.391.367.270	9.034.075.805	9.034.075.805
Công ty Cổ phần Tài nguyên Đông Bắc	8.689.618.612	8.689.618.612	8.579.787.062	8.579.787.062
Công ty TNHH Phương Lâm	4.999.507.719	4.999.507.719	5.999.507.719	5.999.507.719
Các đối tượng khác	1.856.264.171	1.856.264.171	2.948.459.292	2.948.459.292
Tổng	31.894.390.577	31.894.390.577	29.884.589.878	29.884.589.878

Trong đó

Phải trả người bán là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

31/12/2022 (VND)

01/01/2022 (VND)

5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 (VND)		31/12/2022 (VND)	
	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	5.310.402.899	-	4.584.658.577
Thuế TNDN	-	3.650.207.314	-	6.399.924.813
Thuế TNCN	-	205.995.867	-	219.091.178
Tiền thuế đất (*)	8.195.655.060	-	7.984.161.252	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Tổng	8.195.655.060	9.166.606.080	7.984.161.252	11.203.674.568

(*) Tiền thuế đất phải thu thực tế là tiền đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty CP Khang Minh Group đã trả trước và được trừ dần vào tiền thuế đất phải nộp hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.13 Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	860.920.632	857.599.864
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	48.562.606	523.470.076
Các khoản phải trả phải nộp khác	564.363.694	56.090.173
<i>Công ty TNHH Đá Thạch Anh Khang Minh</i>	<i>508.273.974</i>	-
<i>Đối tượng khác</i>	<i>56.089.720</i>	<i>56.090.173</i>
Tổng	1.473.846.932	1.437.160.113
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả khác với các bên liên quan</i>	<i>508.273.974</i>	-
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (1)	12.900.000.000	12.900.000.000	31.575.000.000	59.664.500.000	40.989.500.000	40.989.500.000
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh (2)	10.000.000.000	10.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000	-	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Dài hạn						
Nợ dài hạn						
Trái phiếu phát hành GKMH2124001 (3)	49.000.000.000	49.000.000.000	-	51.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Tổng	71.900.000.000	71.900.000.000	51.075.000.000	120.164.500.000	140.989.500.000	140.989.500.000

Trong đó

Vay ngắn hạn với bên liên quan

Nợ dài hạn với bên liên quan

Trái phiếu phát hành bên liên quan năm giữ

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
	10.000.000.000	-
	49.000.000.000	100.000.000.000
	49.000.000.000	100.000.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- (1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 133/2021/HĐTD ngày 01/7/2021, phụ lục 03 ký ngày 30/3/2022
- Hạn mức vay ngắn hạn theo phụ lục 03 là: 12.900.000.000 đồng;
 - Lãi suất vay không cố định, được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
 - Thời hạn cấp tín dụng: Từ ngày 29/6/2021 đến 30/9/2022;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Tài sản đảm bảo gồm:
 - + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Nhà số 60, ngõ 199 đường Hồ Tùng Mậu, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội;
 - + Xe ô tô bán tải Ford Ranger XLS biển số 29C-597.97;
 - + Xe ô tô bán tải Ford Ranger XLS biển số 29C-791.30;
 - + Xe ô tô bán tải Ford Ranger màu bạc biển số 51D-622.61.

- (2) Khoản vay theo Hợp đồng số 2506/2022/HĐCV ngày 25/6/2022

- Số tiền vay: 12.500.000.000 đồng;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

- (3) Trái phiếu phát hành

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Lãi suất	Giá trị	Lãi suất
Trái phiếu thường				
- Phát hành theo mệnh giá				
GKMH2124001	49.000.000.000	12,60%	100.000.000.000	12,60%
Tổng trái phiếu thường	49.000.000.000		100.000.000.000	

Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo; mệnh giá: 10.000.000 đồng/trái phiếu.
Tổng khối lượng phát hành 10.000 trái phiếu tương đương 100.000.000.000 đồng.

Lãi suất cố định 12,6%/năm. Kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng, ngày phát hành: 20/9/2021, ngày đáo hạn: 20/9/2024.

Kỳ hạn thanh toán lãi: Trả lãi định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu.

Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định thông qua đại lý phát hành.

Tiền gốc thanh toán theo mệnh giá một lần vào ngày đáo hạn; Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2021	148.837.090.000	8.706.059.091	15.480.105.866	173.023.254.957
- Tăng vốn trong năm trước	74.418.540.000	-	-	74.418.540.000
- Lãi năm trước	-	-	21.914.248.856	21.914.248.856
- Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	14.883.370.000	-	(14.883.370.000)	-
Số dư ngày 31/12/2021	238.139.000.000	8.556.059.091	22.510.984.722	269.206.043.813
Số dư ngày 01/01/2022	238.139.000.000	8.556.059.091	22.510.984.722	269.206.043.813
- Lãi trong năm nay	-	-	24.234.794.519	24.234.794.519
Số dư ngày 31/12/2022	238.139.000.000	8.556.059.091	46.745.779.241	293.440.838.332

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ông Đặng Việt Lê	25.482.400.000	25.482.400.000
Công ty CP Chứng khoán APG	47.317.000.000	42.967.600.000
Các cổ đông khác	165.339.600.000	169.689.000.000
Tổng	238.139.000.000	238.139.000.000

c) Các giao dịch về vốn

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	238.139.000.000	148.837.090.000
Vốn góp tăng trong năm	-	89.301.910.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	238.139.000.000	238.139.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	14.883.370.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.813.900	23.813.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.813.900	23.813.900
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.813.900	23.813.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa	58.957.394.950	99.469.150.463
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.218.188.000	-
Doanh thu bán thành phẩm	-	37.945.340.880
Tổng	67.175.582.950	137.414.491.343
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	335.244.000
- Hàng bán bị trả lại	-	335.244.000
Doanh thu thuần	67.175.582.950	137.079.247.343
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu với các Bên liên quan</i>		
- Công ty CP Nhôm Khang Minh	5.780.688.000	87.327.000
- Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	-	211.200.000

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán hàng hóa	43.888.625.018	84.420.776.747
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.477.534.990	-
Giá vốn bán thành phẩm	-	28.942.422.681
Tổng	46.366.160.008	113.363.199.428

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	598.292.195	51.512.301
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	11.500.000.000	10.500.000.000
Lợi nhuận được chia từ Công ty con	13.755.034.737	-
Tổng	25.853.326.932	10.551.512.301

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	13.076.682.318	5.841.424.277
Lãi chậm trả nhà cung cấp	857.291.465	838.173.442
Chi phí phát hành, lưu ký trái phiếu	1.271.030.304	-
Tổng	15.205.004.087	6.679.597.719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	19.806.562	25.644.548
Chi phí nhân công	-	491.915.988
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.094.698.548	125.368.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.354.067	730.231.747
Chi phí khác bằng tiền khác	411.818.878	467.343.737
Tổng	1.663.678.055	1.840.504.973

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	984.072.201	1.717.313.469
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	26.753.023	43.481.341
Chi phí khấu hao TSCĐ	162.595.128	324.223.068
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	116.065.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.301.712	841.036.943
Chi phí bằng tiền khác	290.669.944	229.042.286
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(1.979.974.383)
Tổng	1.571.392.008	1.291.188.428

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thanh lý Tài sản	-	1.410.897.289
Thu nhập khác	12.648.726	205.502.750
Tổng	12.648.726	1.616.400.039

6.8 Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thanh lý tài sản	731.702.217	-
Tiền phạt, chậm nộp thuế, BHXH	43.864.236	508.246.600
Chi phí khác	475.245.979	-
Tổng	1.250.812.432	508.246.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân công	1.487.159.741	4.146.566.854
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.559.585	17.507.602.071
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.995.074.038	6.097.656.966
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.979.974.383)
Thuế, phí, lệ phí	214.493.808	221.812.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	475.592.075	2.194.689.997
Chi phí khác bằng tiền	968.971.785	897.893.260
Tổng	6.187.851.032	29.086.247.373

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.984.512.018	25.564.422.535
Các khoản điều chỉnh	(13.235.924.522)	508.246.600
- Phạt hành chính, chậm nộp thuế, bảo hiểm	43.864.236	508.246.600
- Chi không được trừ khác	475.245.979	-
- Thu nhập không chịu thuế	(13.755.034.737)	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	13.748.587.496	26.072.669.135
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.749.717.499	5.214.533.827
Thuế TNDN được giảm theo quy định của NĐ 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021	-	1.564.360.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.749.717.499	3.650.173.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Quyết định số 58/QĐ-SGDHN ngày 15/02/2023 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty CP Khang Minh Group được niêm yết bổ sung 2.381.340 cổ phiếu tương đương giá trị niêm yết bổ sung là 23.813.400.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực là 26.195.240 cổ phiếu tương đương tổng giá trị cổ phiếu niêm yết là 261.952.400.000 đồng.

Công ty đã thực hiện trả cổ tức năm 2021 vào tháng 01 năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/KM-2022 ngày 19/3/2022, Nghị quyết HĐQT số 06/2022/KM/NQ-HĐQT ngày 31/5/2022, Nghị quyết HĐQT số 12/2022/KM/NQ-HĐQT ngày 28/11/2022. Mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức nắm giữ 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ tức, cổ đông sở hữu 10 quyền nhận cổ tức sẽ nhận được thêm 01 cổ phiếu mới, tương đương với số cổ tức đã trả là 23.813.400.000 đồng. Việc trả cổ tức này hoàn thành theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 01/2023/KM/BCKQ ngày 06/01/2023 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group và Công văn số 203/UBCK-QLCB ngày 13/01/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, Công ty ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu là 23.813.400.000 đồng do phát hành 2.381.340 cổ phiếu để trả cổ tức vào năm 2023.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

7.2 Giao dịch với các Bên liên quan

a. Thông tin về các Bên liên quan

Đối tượng	Quan hệ
Tổ chức	
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn
Cá nhân	
Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

b. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị		Năm 2022	Năm 2021
Họ và tên	Chức danh	VND	VND
Đặng Việt Lê	Chủ tịch HĐQT	529.686.000	453.320.541
Lê Hoài An	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20/5/2021)	-	134.701.963
Phạm Sĩ Giang	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20/5/2021)	-	120.327.624
Tổng		529.686.000	708.350.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Giao dịch với các Bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Nguyễn Thu Trang	Trưởng BKS	239.964.000	168.709.166
Cao Thi Thương	Thành viên BKS	124.476.700	-
Nguyễn Minh Đức	Thành viên BKS	-	51.998.627
Tổng		364.440.700	220.707.793

Tiền lương của Ban Điều hành và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bùi Thế Nam	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/10/2022)	181.518.000	206.448.520
Nguyễn Việt Hà	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 13/10/2022)	302.574.000	-
Trần Thị Miên	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 08/4/2022)	-	208.668.817
Tổng		484.092.000	415.117.337

c. Giao dịch với các Bên liên quan

Các Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng				
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng	-	211.200.000
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Doanh thu thanh lý tài sản	-	500.000.000
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng	5.780.688.000	87.327.000
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Doanh thu thanh lý tài sản	-	558.300.000
Mua hàng				
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	3.327.000.000	493.000.000
Thu tiền				
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Thu tiền bán hàng	-	211.200.000
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Thu tiền thanh lý tài sản	550.000.000	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Thu tiền cho vay	9.000.000.000	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Thu tiền lãi cho vay	330.385.973	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Thu tiền lợi nhuận	15.830.525.917	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Thu tiền bán hàng	6.077.709.322	87.327.000
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Thu tiền cho vay	18.504.100.864	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Thu tiền lãi cho vay	170.642.962	-
Đặng Việt Lê	Chủ tịch HĐQT	Thu tiền đã cho mượn	20.194.999.998	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Giao dịch với các Bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch với các Bên liên quan (Tiếp theo)

Các Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Trả tiền				
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	Trả tiền mua dịch vụ	1.827.000.000	493.000.000
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	Trả lãi trái phiếu	11.022.169.317	57.046.068
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	Thanh toán trái phiếu	51.000.000.000	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Trả tiền vay	2.500.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Trả tiền vay	7.000.000.000	-
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Trả tiền lãi vay	12.791.666	-
Cho vay				
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	-	9.000.000.000
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	8.320.000.000	10.184.100.864
Đặng Việt Lê	Chủ tịch HĐQT	Cho mượn tiền	20.194.999.998	-
Đi vay				
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Vay ngắn hạn	12.500.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Vay ngắn hạn	7.000.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	Phát hành trái phiếu	-	100.000.000.000
Góp vốn				
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	Góp vốn	-	29.500.000.000
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	Góp vốn	-	22.950.000.000
Tạm ứng				
Nguyễn Thu Trang	Trưởng BKS		-	1.423.300.000
Hoàn tạm ứng				
Nguyễn Thu Trang	Trưởng BKS		1.423.300.000	369.040.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Giao dịch với các Bên liên quan (Tiếp theo)

d. Số dư với Bên liên quan

<u>Khoản mục/Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2022</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2022</u> <u>VND</u>
Phải thu về cho vay		-	19.184.100.864
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	-	10.184.100.864
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	-	9.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		895.177.478	1.164.130.000
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	895.177.478	614.130.000
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	-	550.000.000
Phải thu ngắn hạn khác		56.449.166	3.596.332.516
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	-	2.075.491.180
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	56.449.166	49.223.154
Nguyễn Thu Trang	Trưởng BKS	-	1.423.300.000
Trần Thị Miên	Kế toán trưởng đã miễn nhiệm	-	48.318.182
Đầu tư vào Công ty con		153.844.183.172	153.844.183.172
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	130.894.183.172	130.894.183.172
Công ty CP Nhôm Khang Minh	Công ty con	22.950.000.000	22.950.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn		1.500.000.000	
Công ty CP Chứng khoán APG	Công ty con	1.500.000.000	
Phải trả ngắn hạn khác		508.273.974	
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	508.273.974	
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		10.000.000.000	-
Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	Công ty con	10.000.000.000	-
Trái phiếu phát hành		49.000.000.000	100.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	49.000.000.000	100.000.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn		1.979.205.072	1.419.484.069
Công ty CP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn	1.979.205.072	1.419.484.069

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Phạm Thị Yên

Kế toán trưởng



Lê Văn Tùng

Hà Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

